| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHONG ĐIỀN**<br>THÀNH PHỐ CẦN THƠ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 14/2024/QĐST-DS | *Phong Điền, ngày 04 tháng 4 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 183/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023.

## XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự :

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1952.

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền của ông S và bà Y: bà Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: A ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn S: bà Nguyễn Lý Xuân T1, trợ giúp viên pháp lý - trung tâm trợ giúp pháp lý thành phố C.

-*Bị đơn*: Bà Lê Thị N, sinh năm 1960.

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1952 (đã chết).

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T2:

1.1 Bà Lê Thị N, sinh năm 1960.

1.2 Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

1.3 Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ.

1.4 Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ.

1.5 Chị Nguyễn Thị T5, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Y được quyền sử dụng đất diện tích 1.687,5m$^2$ đất tại một phần thửa 1061, loại đất CLN, tờ bản đồ số 8, phần đất tại vị trí A – Bản trích đo địa chính số 203/TTKTTNMT ngày 05/3/2024.

- Bà Lê Thị N và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T2 là bà Lê Thị N, chị Nguyễn Thị T3, anh Nguyễn Văn T4, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị T5 được quyền sử dụng đất tại một phần thửa 1061 có diện tích 1.597,6m2 tại vị trí B; 219.9m2 đất tại vị trí C bản trích đo địa chính 203/TTKTTNMT ngày 05/3/2024 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C và thửa 102, diện tích 1.443m2 (có 300 m2 ONT và 1.143m2 CLN) theo bản trích đo địa chính 203/TTKTTNMT ngày 05/3/2024 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C.

Thửa 1061 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000350 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 11/01/1996 (có chỉnh lý điều chỉnh tên và địa chỉ thửa đất ngày 09/8/2017) do bà Lê Thị N đứng tên. Thửa 102 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 000351 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 18/11/1995 do ông Nguyễn Văn S đứng tên. Địa chỉ các thửa đất toạ lại tại ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Đối với phần cây trồng và vật kiến trúc trên đất nguyên đơn, bị đơn thống nhất tự thỏa thuận, không tranh chấp.

Các bên đương sự thống nhất không yêu cầu xem xét về phần giá trị đất.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục tách thửa đất, sang tên, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Y, bị đơn bà Lê Thị N không phải chịu (người cao tuổi). Nguyên đơn được nhận lại 8.212.000 đồng (Tám triệu hai trăm mười hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp theo biên lai số 005327 ngày 01/4/2019 và được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp theo biên lai số 017297 ngày 21/01/2020.

- Chi phí đo đạc, định giá: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Y tự nguyện chịu 5.000.000 đồng. Bị đơn bà Lê Thị N tự nguyện chịu

6.500.000 đồng. Nguyên đơn, bị đơn đã nộp xong.

- Chi phí giám định chữ ký: 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Y tự nguyện chịu. Nguyên đơn đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

**THẨM PHÁN**

**Nơi nhận**:
- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. Phong Điền;
- THA H. Phong Điền;
- Lưu hồ sơ.

**Trần Hồng Tươi**